

**CÔNG TY CỔ PHẦN MI DESIGN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MI DESIGN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MI DESIGN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MI DESIGN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109890537

**3. Ngày thành lập:** 18/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3 tòa nhà CT2 và CT3, Khu đô thị Dream Town, đường 70, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 1900599828

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                     | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá                                                                                                                                                                                                   | 4610     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác.<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh.<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. | 4649     |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                        | 4652     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh máy móc, thiết bị ngành xây dựng;<br>- Kinh doanh thiết bị máy văn phòng;<br>- Mua bán thiết bị điện.                                                                                                        | 4659     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                  | 8299     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                           | 6209     |

|     |                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Khoản 1, Điều 3, Luật kinh doanh bất động sản 2014)                    | 6810        |
| 11. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản (Khoản 2, khoản 8, Điều 3, Luật kinh doanh bất động sản 2014) | 6820        |
| 12. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động kiến trúc                                                                                                          | 7110        |
| 13. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                           | 7320        |
| 14. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                            | 1622        |
| 15. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                           | 1629        |
| 16. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử                                                                                      | 4791        |
| 17. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Ký gửi hàng hóa                                                                                                                     | 4799        |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hoá bằng ô tô theo hợp đồng;                                                                                                         | 4933        |
| 19. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                      | 3100        |
| 20. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                  | 4101(Chính) |
| 21. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                            | 4102        |
| 22. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                      | 4211        |
| 23. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                       | 4212        |
| 24. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                           | 4221        |
| 25. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                | 4222        |
| 26. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                 | 4223        |
| 27. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                  | 4229        |
| 28. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                           | 4291        |
| 29. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                    | 4292        |
| 30. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                              | 4293        |
| 31. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                         | 4299        |
| 32. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                             | 4311        |
| 33. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                  | 4312        |
| 34. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                              | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vật liệu xây dựng<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4752 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 50.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                    | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ ĐỘ CHÍNH | B2913, Tháp B Golden Palace, TDP 5 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 15.000     | 150.000.000           | 30,000    | 046077002341                                                                                |         |
|     |             |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                           | Tổng số                   | 15.000     | 150.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                                           |                           |        |             |        |              |  |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | DƯƠNG THỊ MAI   | 26, B Nv – 04B, Đô thị Việt Hưng, Lô HH04, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 40,000 | 001178012530 |  |
|   |                 |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                           | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 40,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                                           |                           |        |             |        |              |  |
| 3 | NGUYỄN VĂN ĐIỀN | B1106, Tháp B Golden Palace, TDP 5 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 15.000 | 150.000.000 | 30,000 | 035076000012 |  |
|   |                 |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                           | Tổng số                   | 15.000 | 150.000.000 | 30,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                                           |                           |        |             |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ ĐỘ CHÍNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 12/02/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 046077002341

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: B2913, Tháp B Golden Palace, TDP 5 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: B2913, Tháp B Golden Palace, TDP 5 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội